

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/DS-ST
Ngày: 17-7-2023
V/v tranh chấp hợp đồng gia công
và vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Hưng.

2. Bà Phạm Thị Cẩm Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2023/TLST-DS về việc “*Tranh chấp hợp đồng gia công và vay tài sản*”, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2023/QĐST-DS ngày 28/6/2023, giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Hồng L**, sinh năm 1981; địa chỉ: **Khu phố B, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang**. Có mặt.

2- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Quốc H** và chị **Nguyễn Thị T**; địa chỉ: **Ấp A, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang**. Vắng mặt lần hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Ngày 04/01/2021 chị **L** và vợ chồng anh **H**, chị **T** có hợp đồng gia công nội thất, cụ thể là một tủ bếp và một cánh cửa theo thiết kế, kỹ thuật của chị **L** đưa ra với giá 60.000.000 đồng. Thời gian hoàn thành sản phẩm là 30 ngày, khi ký hợp đồng chị **T** và anh **H** ứng trước 6.000.000 đồng; sau đó đến ngày 29/01/2021 ứng thêm 20.000.000 đồng và gia hạn thời gian qua tết Nguyên đán 2021 sẽ hoàn thành

sản phẩm. Thấy thời gian quá hạn nhưng anh **H**, chị **T** chưa giao hàng nên chị **L** liên hệ thì chị **T** nói anh chị cãi nhau nên anh **H** bỏ nhà đi, đợi anh **H** về sẽ giao hàng. Nhưng sau đó, vợ chồng anh **H**, chị **T** không giao hàng mà lấy bán cho người khác. Ngoài ra, khi ký hợp đồng ngày 04/01/2021, vợ chồng anh **H**, chị **T** có vay của chị **L** số tiền 14.000.000 đồng. Tiền lãi tính từ ngày 04/02/2021 đến ngày 04/02/2023 là 02 năm x 20%/năm là 5.600.000 đồng. Chị **L** yêu cầu anh **H**, chị **T** trả tiền vay là 19.600.000 đồng và tiền cọc là 26.000.000 đồng.

Tại phiên tòa: Chị **L** yêu cầu anh **H** và chị **T** trả lại tiền cọc là 26.000.000 đồng và tiền vay 19.600.000 đồng (trong đó: gốc 14.000.000 đồng và tiền lãi 02 năm là 5.600.000 đồng).

- Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng và chấp hành nội quy phiên tòa. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để xét xử nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là đúng quy định. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền 45.600.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị **L** và anh **H**, chị **T** có hợp đồng gia công tủ và cửa, đồng thời anh **H**, chị **T** có vay tiền của chị **L**; nay có tranh chấp chị **L** yêu cầu Tòa án giải quyết nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng gia công và vay tài sản.

[2] Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã giải thích các trường hợp được trợ giúp pháp lý miễn phí, nhưng không ai thuộc trường hợp được trợ giúp pháp lý miễn phí.

Anh **H** và chị **T** vắng mặt trong suốt thời gian giải quyết vụ án nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần để xét xử nhưng anh chị đều vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh chị theo Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Chị **L** và anh **H**, chị **T** có hợp đồng gia công tủ, cửa với giá 60.000.000 đồng, thời hạn là 30 ngày hoàn thành hợp đồng, anh **H**, chị **T** có nhận cọc 26.000.000 đồng, nhưng quá hạn anh **H**, chị **T** không giao hàng nên chị **L** yêu cầu trả lại tiền cọc. Ngoài ra, ngày 04/01/2021 anh **H** và chị **T** có vay của chị **L** 14.000.000 đồng. Chị **L** khởi kiện có cung cấp hợp đồng và biên nhận, anh **H** và chị **T** không có ý kiến phản bác. Do đó, căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự xem đây là tình tiết, sự kiện có thật.

Chị **L** chỉ yêu cầu tính lãi đến ngày 04/02/2023, không yêu cầu tính đến ngày xét xử nên Hội đồng xét xử chỉ tính đến ngày 04/02/2023 là 02 năm với số tiền lãi là 5.600.000 đồng.

[4] Từ những phân tích trên, thấy rằng yêu cầu của chị **L** và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc vợ chồng anh **H**, chị **T** trả cho chị **L** tiền cọc là 26.000.000 đồng và tiền vay gốc 14.000.000 đồng, tiền lãi đến ngày 04/02/2023 là 5.600.000 đồng.

[5] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí đối với nghĩa vụ phải thi hành $45.600.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.280.000 \text{ đồng}$. Chị **L** không phải chịu án phí nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, 147, 207, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, 463, 466, 468, 542, 546, 549, 551 của Bộ luật Dân sự; Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị **Trần Thị Hồng L** đối với anh **Nguyễn Quốc H** và chị **Nguyễn Thị T**. Buộc anh **H** và chị **T** cùng liên đới trả cho chị **L** số tiền 45.600.000 (Bốn mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng). Trong đó tiền cọc gia

công là 26.000.000 đồng; tiền vay 19.600.000 đồng (tiền gốc 14.000.000 đồng, tiền lãi 5.600.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị **L** cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng anh **H**, chị **T** còn phải chịu khoản tiền lãi trên số nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2- Án phí sơ thẩm:

Anh **Nguyễn Quốc H** và chị **Nguyễn Thị T** phải chịu án phí sơ thẩm là 2.280.000 đồng (Hai triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho chị **Trần Thị Hồng L** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.140.000 đồng (Một triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001154 ngày 13/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3- Chị **L** có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh **H** và chị **T** vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận